

Số: 252/BC-THCSTHPTQL

Vân Đồn, ngày 16 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS&THPT Quan Lạn.

2. Địa chỉ: Thôn Thái Hoà, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 02.033.877.118

Email: c3quanlan.quangninh@moet.edu.vn

Website: quanlan.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) *Sứ mạng:* Xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng, nhân văn; đội ngũ vừa hồng vừa chuyên để mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo; tạo cơ hội cho học sinh phát huy hết những năng lực vốn có; phong cách văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc; phong cách giao tiếp và truyền đạt mới mẻ là nền tảng để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

b) *Tầm nhìn:* Đến năm 2028 trường THCS&THPT Quan Lạn sẽ là:

- Một trong những trường có chất lượng của khu vực miền Đông về chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn.

- Một trường THPT hoạt động theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đạt chuẩn quốc gia.

- Cơ sở giáo dục tiên phong, nòng cốt cho hệ thống giáo dục tỉnh Quảng Ninh.

c) *Mục tiêu:*

Mục tiêu chung

- Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học; tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội; biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng; có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

- Chương trình giáo dục trung học phổ thông giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động, ý thức và nhân cách công dân, khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời, khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động, khả năng thích ứng với những đổi thay trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp mới.

Mục tiêu cụ thể của nhà trường

- Xây dựng nhà trường thành một tập thể sư phạm đoàn kết, thống nhất ý chí, phát huy tinh thần dân chủ và trí tuệ; chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, đáp ứng tốt yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục. Tạo sự chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục gắn với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; sự tin tưởng của chính quyền các cấp, sự hài lòng của người dân và học sinh.

- Xây dựng ngôi trường có cơ sở vật chất đầy đủ để đáp ứng nhu cầu dạy và học; tạo lập mối quan hệ thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Quần đảo Vân Hải, nơi có truyền thống học tập từ lâu đời, mặc dù xa đất liền nhưng với truyền thống hiếu học, nhiều thế hệ học sinh đã phải xa nhà lặn lội vào đất liền để học tập. Người dân trên đảo ước mơ có ngôi trường THCS&THPT tại đảo để con em trên địa phương không phải cõm nắm gạo góp vào đất liền theo học và cũng là tạo điều kiện cho những em có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục đi học. Đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân trên xã đảo, năm 2002 Sở giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh đã quyết định mở lớp 10 nhô tại trường THCS Quan Lạn, nay là trường THPT Quan Lạn. Những ngày đầu ấy, trường THCS Quan Lạn gồm 8 lớp cấp THCS và 2 lớp 10 nhô với 52 học sinh cùng với 08 thầy cô giáo. Năm 2005 Sở GD&ĐT cho sát nhập các lớp nhô vào trường THPT Hải Đảo, và khối THPT tại trường THCS Quan Lạn trở thành phân hiệu của trường THPT Hải Đảo. Ngày 28 tháng 7 năm 2006 UBND Tỉnh Quảng Ninh đã ký quyết định cho thành lập trường THPT Quan Lạn với mô hình trường liên cấp gồm 2 cấp học THCS&THPT với 14 lớp; đến ngày 11/12/2022 được UBND tỉnh QN ban hành QĐ số 3245/QĐ-UNND đổi tên trường THPT Quan Lạn thành trường THCS&THPT Quan Lạn.

Năm học 2017-2018 khối THPT; năm học 2023-2024 khối THCS được chuyển về học tập tại khu trường mới tại thôn Thái Hoà, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Diện tích khuôn viên trường 23.223,23m², với các khu nhà: Khu nhà học có 6 phòng học khối THPT: 06 học lý thuyết; 4 phòng thực hành thí nghiệm (Hóa; Sinh; Lí; Công nghệ); 01 phòng học tin học; 01 phòng Ngoại ngữ; Khu nhà học khối THCS: 08 học lý thuyết; 02 phòng đa năng; 01 phòng học âm nhạc; 01 phòng MT; 01 phòng KHXH; Khu nhà làm việc hai tầng: Tầng 1: bao gồm 01 phòng

Đoàn TN; 01 phòng y tế; 01 thư viên (có phòng đọc GV, HS). Tầng 2: Bao gồm 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng P. Hiệu trưởng; 01 phòng tiếp công dân; 01 phòng hành chính; 01 Phòng YT; 01 phòng Đoàn trường; 01 phòng truyền thống kiêm phòng Hội đồng; 01 kho – hành chính; Khu phụ trợ: 01 nhà đa năng, 01 khu nội trú với 27 phòng, một nhà ăn rộng 273m²; 01 khu nhà ở của giáo viên.

Gần 20 năm qua, cùng với sự đổi thay của đất nước, trường THCS&THPT Quan Lạn cũng không ngừng phát triển. Nhiều thế hệ học sinh đã ra trường đem sức lực và trí tuệ đóng góp vào sự phát triển chung của quê hương, đất nước. Nhiều thế hệ nhà giáo, CBQL đã vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục nơi đảo xa và đã có cống hiến hết mình vì sự phát triển của nhà trường.

Với những kết quả đã đạt được, nhà trường đã liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. 03 lần được Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen, 3 lần được UBND tỉnh tặng bằng khen, nhiều năm liên tục được Sở GD&ĐT, UBND đặc khu Vân Đồn tặng giấy khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hà - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0945.096.196.
- Email: nguyenvanha.c3quanlan@quangninh.edu.vn.
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS&THPT Quan Lạn, thôn Thái Hoà, xã Quan Lạn, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: 2170/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2006 của UBND Tỉnh Quảng Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 2009/QĐ-SGDĐT ngày 31/12/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026. Trường THCS&THPT Quan Lạn; Quyết định số 288/QĐ-SGDĐT ngày 04/04/2024 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc kiện toàn, bổ sung thành viên Hội đồng trường Trường THCS&THPT Quan Lạn nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 378/QĐ-SGDĐT ngày 24/02/2022 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026.

- Danh sách thành viên hội đồng trường

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ/ chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Hà	12/12/1979	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐT
2	Hoàng Thúc Khiêm	12/11/1984	TTCM	TK
3	Nguyễn Đức Lộc	14/4/1988	Bí thư đoàn trường	

4	Hoàng Mạnh Việt	24/4/1981	Phó HT nhà trường	
5	Lương Thị Minh Hiếu	01/4/1984	TTCM tổ KHXH	
6	Vũ Thị Dung	16/6/1988	TTCM tổ VP	
7	Phạm Thị Hồng Thêu	02/12/1985	Hội trưởng cha mẹ học sinh	
8	Hoàng Huy Sâm	27/6/1997	Nguyễn Phó chủ tịch UBND	
9	Nguyễn Thế Anh	05/10/2008	Lớp trưởng	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 618/QĐ-SGDĐT ngày 27/4/2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Văn Hà, Phó hiệu trưởng trường THPT Quan Lạn giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS&THPT Quan Lạn; Quyết định số 309/QĐ-SGDĐT ngày 28/4/2021 của Giám đốc Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Văn Hà, chức vụ Hiệu trưởng trường THCS&THPT Quan Lạn.

- Quyết định số 1568/QĐ-SGDĐT ngày 15/11/2023 của Giám đốc Sở GD&ĐT về việc bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng trường THCS&THPT Quan Lạn đối với ông Hoàng Mạnh Việt.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quyết định số 66/QCLV-THCSTHPTQL ngày 22/09/2023 của Hiệu trưởng trường THCS&THPT Quan Lạn về việc ban hành quy chế làm việc của trường THCS&THPT Quan Lạn từ năm học 2023-2024.

đ) Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, nghiệp vụ

Quyết định số 65/QĐ-THCSTHPTQL ngày 01/9/2024 của Hiệu trưởng trường THCS&THPT Quan Lạn về việc kiện toàn tổ chuyên môn, Văn phòng từ năm học 2024 – 2025.

e) Lãnh đạo trường và các tổ chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc
1	Nguyễn Văn Hà	Hiệu trưởng	0945.09619.	nguyenvanha.c3quanlan@quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn
2	Hoàng Mạnh Việt	Phó Hiệu trưởng	0912.955.126	hoangmanhviet.c3quanlan@quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn
3	Hoàng Thúc Khiêm	TTCM	0967.113.882	hoangthuckhiem.c3haidao@quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn
4	Dương Tân Phong	Phó HT	0919.048.333	duongtanphong.c3quanlan@quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn
5	Nguyễn Hữu Phi	Tổ trưởng CM	0912.888.510	luongthiminhhieu.c3quanlan@quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn

6	Vũ Thị Dung	Tổ trưởng VP	0979.364.450	vuthidung. c3quanlan @quangninh.edu.vn	THCS&THPT Quan Lạn
---	-------------	-----------------	--------------	---	-----------------------

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (file đính kèm).

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(Xem Phụ lục 1)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT: (Xem Phụ lục 2)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Mức độ 3.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

Xem Phụ lục 3

2. Kết quả năm học 2025-2026

- Tổng số học sinh theo từng khối:
- + Khối THCS: Khối 6: 61 học sinh; Khối 7: 63; Khối 8: 75; Khối 9: 59 học sinh.
- + THPT: Khối 10: 80 học sinh; khối 11: 87 học sinh; khối 12: 72 học sinh.
- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 6: 30 học sinh/lớp; Khối 7: 31 học sinh/lớp; Khối 8: 36 học sinh/ lớp; Khối 9: 30 học sinh/ lớp; Khối 10: 40 học sinh/lớp; Khối 11: 44 học sinh/lớp; Khối 12: 36 học sinh/lớp.
- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 497/497.
- Số lượng học sinh nữ/học sinh nam: 252/497, trong đó: THCS: 137/258; THPT: 115/239.
- Học sinh là người dân tộc: 19.
- Học sinh khuyết tật: 02.
- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:
- + THCS: chuyển đi 03, chuyển đến 02
- + THPT: chuyển đi 0, chuyển đến 02.
- Kết quả đánh giá học sinh: **Phụ lục 4.**
- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: THCS: 60; THPT: 72/72(đu ĐK thi TN).
- Số học sinh trúng tuyển các trường đại học: Dự kiến 50%.



VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác) cụ thể như sau:

Thu từ ngân sách năm 2025:

Nguồn ngân sách tự chủ: **8.989.000.000** đồng

Nguồn ngân sách không tự chủ: **7.517.151.681** đồng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Chi thường xuyên tự chủ: **8.989.000.000** đồng

Trong đó:

Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương: **7.702.048.778** đồng.

Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp: **272.196.580** đồng

Chi quản lý, chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên: **26.488.958** đồng.

Chi thường xuyên khác: **988.265.684** đồng.

Chi không thường xuyên không tự chủ: **7.517.151.681** đồng

Trong đó:

Chi cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú: **755.658.000** đồng

Chi chế độ giáo viên giảng dạy học sinh khuyết tật: **108.836.037** đồng

Chi Bổ sung 15% kinh phí hoạt động: **175.000.000** đồng

Chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh THPT, ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2025: **76.000.000** đồng

Chi mua sắm theo chương trình giáo dục phổ thông mới: **162.138.000** đồng

Chi từ nguồn thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục: **398.810.000** đồng

Chi hợp đồng lao động theo ND 111/2022/ND-CP: **227.182.644** đồng

Chi Sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công: **3.665.527.000** đồng

Chi KP thực hiện nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND: **1.595.000.000** đồng

Chi chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP : **353.000.000** đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Thu học phí:

Khối THCS: Mức thu 30.000 đồng/tháng/học sinh(Nhà nước hỗ trợ).

Khối THPT: Mức thu 50.000 đồng/tháng/học sinh(Nhà nước hỗ trợ).

Các khoản thu khác (nếu có) thu trên cơ sở thỏa thuận với phụ huynh học sinh và phải được sự đồng thuận cao của phụ huynh.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Chi hỗ trợ bán trú, hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí số tiền: **755.658.000** đồng

4. Nguồn kinh phí tiết kiệm của đơn vị

Chi phúc lợi: 369.000.000 đồng

Chi thu nhập tăng thêm: 345.458.184 đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Đơn vị đã thực hiện công khai dự toán và quyết toán ngân sách, các khoản thu, chi nguồn thu sự nghiệp và dịch vụ năm 2024 theo đúng quy định

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

(Có báo cáo tổng kết đính kèm)

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo (c/đ);
- Website: quanlan.edu.vn;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hà



THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026
1. Khối THCS

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Ghi chú
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	258	61	63	75	59	
1	T – Tỷ lệ	183 70,9	43 70,5	47 74,6	42 56	51 86,4	
2	K – Tỷ lệ	67 26	18 29,5	11 17,5	31 41,3	7 11,9	
3	Đ – Tỷ lệ	8 3,1	0 0	5 7,94	2 2,67	1 1,69	
4	CD – Tỷ lệ	0 0	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học tập	258	61	63	75	59	
1	Đ – Tỷ lệ	49 19	7 11,5	14 22,2	16 21,3	12 20,3	
2	K – Tỷ lệ	72 27,9	14 23	18 28,6	18 24	22 37,3	
3	Đ – Tỷ lệ	122 47,3	32 52,5	26 41,3	40 53,3	24 40,7	
4	CD – Tỷ lệ	15 5,81	8 13,1	5 7,94	1 1,33	1 1,69	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	258	61	63	75	59	
1	HS lên lớp – Tỷ lệ	243 94,19	53 86,9	58 92,06	74 98,67	58 98,31	
2	HS xuất sắc – Tỷ lệ	10 3,88	0 0	5 7,94	3 4	2 3,39	
3	HS giỏi – Tỷ lệ	39 15,1	7 11,5	9 14,3	13 17,3	10 17	
4	HS thi lại – Tỷ lệ	15 5,81	8 13,1	5 7,94	1 1,33	1 1,69	
5	HS lưu ban – Tỷ lệ	0	0	0	0	0	
6	HS chuyển trường – Tỷ lệ	03	2	1	0	0	
7	HS bị đuổi học – Tỷ lệ	0	0	0	0	0	
8	HS bỏ học – Tỷ lệ	0	0	0	0	0	
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HS giỏi						
1	Cấp tỉnh	02	0	0	0	2	
2	Cấp quốc gia, khu vực	0					
3	Số HS tốt nghiệp	48				59	
4	Số HS dân tộc thiểu số	12	5	0	5	2	

2. Khối THPT

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	239	80	87	72
1	T – Tỷ lệ	215 90	70 87,5	75 86,2	70 97,2
2	K – Tỷ lệ	19 7,95	10 12,5	7 8,05	2 2,78
3	Đ – Tỷ lệ	5 2,09	0 0	0	0
4	CD – Tỷ lệ	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học tập	239	80	87	72
1	T – Tỷ lệ	37 15,5	12 15	12 13,8	13 18,1
2	K – Tỷ lệ	102 42,7	35 43,8	33 37,9	34 47,2
3	Đ – Tỷ lệ	95 39,8	30 37,5	40 46	25 34,7
4	CD – Tỷ lệ	5 2,09	3 3,75	2 2,3	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	239	80	87	72
1	HS lên lớp – Tỷ lệ	232 97,07	77 96,25	85 97,7	72 100
2	HS xuất sắc – Tỷ lệ	4 1,67	0	2 2,3	2 2,78
3	HS giỏi – Tỷ lệ	33 13,81	12 15	10 11,49	11 15,28
4	HS thi lại – Tỷ lệ	5 2,09	3 3,75	2 2,3	0
5	HS lưu ban – Tỷ lệ	0	0	0	0
6	HS chuyển trường – Tỷ lệ	0	0	0	0
7	HS bị đuổi học – Tỷ lệ	0	0	0	0
8	HS bỏ học – Tỷ lệ	8 4,3	5 6,4	3 5,2	
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HS giỏi	2	0	2	0
1	Cấp tỉnh	2	0	2	0
2	Cấp quốc gia, khu vực	0			
3	Số HS dự thi TN	50			50
4	Số HS tốt nghiệp	50			50
5	Số HS thi đỗ đại học				
6	Số HS nam/ nữ	121/118	45/35	41/46	35/37
7	Số HS dân tộc thiểu số	8	2	0	6